

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số 962/QĐ-UBND ngày 29/5/2026 của UBND xã Phú Ninh)

Đơn vị tính : Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
	TỔNG CHI NSDP	207.000,283	205.088,014	(1.912)	99
A	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	190.624,753	159.264,562	(31.360)	84
I	Chi đầu tư phát triển	42.637,629	25.012,305	(17.625)	59
1	Chi đầu tư cho các dự án	42.637,629	25.012,305	(17.625)	59
	<i>Trong đó: chia theo các lĩnh vực</i>				
-	Chi an ninh - quốc phòng				
-	Chi giáo dục đào tạo và dạy nghề		3.782,294		
-	Chi khoa học và công nghệ				
-	Chi y tế, dân số và gia đình				
-	Chi văn hóa thông tin - thể dục thể thao		891,166		
-	Chi phát thanh, truyền hình thông tấn				
-	Chi bảo vệ môi trường		646,430		
-	Chi các hoạt động kinh tế		18.018,644		
-	Chi hoạt động của các cơ quan QLNN		374,683		
	Chi đảm bảo xã hội		1.299,089		
-	Chi các ngành, lĩnh vực khác				
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác			-	
II	Chi thường xuyên	147.576,124	134.103,029	(13.473)	91
-	Chi quốc phòng	1.016,063	1.004,644	(11)	99
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.939,905	1.933,610	(6)	100
-	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	52.245,807	51.390,767	(855)	98
-	Chi Khoa học và công nghệ	-	-		
-	Chi Y tế, dân số và gia đình	2.224,677	1.353,713	(871)	61
-	Chi Văn hóa thông tin	1.709,281	1.545,018	(164)	90
-	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	483,009	402,717	(80)	83
-	Chi Thể dục thể thao	420,453	338,823	(82)	81
-	Chi Bảo vệ môi trường	1.691,289	1.691,289	0	100
-	Chi các hoạt động kinh tế	18.864,974	11.617,938	(7.247)	62
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	41.403,157	40.570,730	(832)	98
-	Chi Bảo đảm xã hội	25.476,510	22.213,782	(3.263)	87
-	Chi khác	101,000	40,000	(61)	40
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền ĐP vay			-	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	
V	Dự phòng ngân sách	411,000	149,227	(262)	36,308
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			-	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	16.375,530	45.094,729	28.719,199	3
D	CHI NỘP TRẢ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN		728,723	728,723	